

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 149/2022/HSST

Ngày: 10-5-2022

NHÂN D1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn
2. Bà Nguyễn Đặng Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm lý số: 112/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc D; sinh ngày 04/7/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Nguyễn Văn Lạc, Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1978 và bà Lê Thị Bé B, sinh năm: 1977; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ QT

Trụ sở: 157/36 Đường TMT2A, khu phố 2, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tiến H(có mặt)

Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2022

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH N(Vắng mặt)

Trụ sở: khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh Nguyễn Hồng Hải Ph, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Anh Phạm Công D1, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: 34/10 Võ Văn Ngân, Tổ 5, khu phố 1, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Anh Tạ Văn T, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 144/65 Đường 339, khu phố 4, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Anh Trần Văn B, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Đắk Hà, Đắk Hring, Kon Tum

Địa chỉ: Công ty TNHH N, địa chỉ: khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

7. Bà Lê Thị Ph, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ QT (viết tắt là Công ty QT) ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ với Công ty TNHH N (viết tắt là Công ty N) làm dịch vụ bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tài sản cho công ty N tọa lạc tại Khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty QT phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu xảy ra việc mất mát tài sản của Công ty và nhân viên Công ty N.

Nguyễn Ngọc D là nhân viên làm việc thời vụ tại Công ty N và anh Nguyễn Hồng Hải Ph là công nhân của Công ty N và làm việc chung tại địa chỉ khu công nghệ cao phường Tăng Nhơn Phú B. Do diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid 19 trong thời điểm tháng 9/2021 nên Công ty Náp dụng phương thức làm việc 03 tại chỗ.

Vào khoảng 10 giờ ngày 01/9/2021, D đi vào lều ngủ của anh Nguyễn Hồng Hải Ph tại Công ty N, D đã lục túi xách màu đen của anh Phong và lấy 01 bản photo giấy đăng ký xe mô tô biển số 66N1-500.64, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô, 01 chìa khóa xe mô tô của anh Phong. Đến 15 giờ cùng ngày Công ty New Hanam cho D nghỉ việc do D làm việc theo thời vụ và tổ chức xe của Công ty đưa D về phòng trọ nhưng do phòng trọ của D có người bị Covid nên D đi thuê nhà nghỉ tại địa chỉ phường Long Trường, thành phố Thủ Đức để nghỉ.

Tại đây, do đã bị buộc thôi việc, không có tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 66N-500.64 của anh Nguyễn Hồng Hải Ph đang

để tại Công ty N. D đã đi nhờ xe tải đang chạy dọc đường quay trở lại Công ty N. Đến 17 giờ cùng ngày D vào bãi giữ xe của Công ty N lấy 01 xe mô tô biển số 66N1-500.64 điều khiển xe ra tới cổng Công ty. Lúc này, do không có thẻ xe nên D nói với nhân viên bảo vệ anh Tạ Văn T và anh Trần Văn B là bị mất thẻ. Đồng thời D đưa bản photo giấy đăng ký xe cho hai anh xem và đưa chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân H cho anh Tạ Văn T và anh Trần Văn B giữ lại, năn nỉ hai anh này cho D lấy xe ra ngoài. Anh B và anh Tuấn thấy D là công nhân của Công ty và có đưa giấy tờ tùy thân nên anh Bích và anh Tuấn nhầm tưởng đây là xe của D nên đồng ý cho D lấy xe ra khỏi Công ty.

Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 66N1-500.64 tới gặp bạn mình là Phạm Công D1 tại địa chỉ số khu phố Ông Nhiêu, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, D nói với anh D1 đây là xe của bạn D, do dịch bệnh bạn D không ra ngoài được nên nhờ D đi cầm giùm, D thỏa thuận cầm xe trên cho anh D1 lấy số tiền 2.000.000 đồng và anh D1 đồng ý. Anh D1 đưa cho D số tiền 1.400.000 đồng và cần nợ số tiền 600.000 đồng D thiếu của anh D1 trước đó. Sau khi bị mất xe anh Phong có nghi ngờ D lấy nên đã điện thoại cho D, ban đầu D không thừa nhận lấy xe của anh Phong nhưng sau đó anh Phong nhắn tin cho D nói là sẽ đi báo công an thì D thừa nhận hành vi của mình. Đến ngày 07/9/2021, Nguyễn Ngọc D đã tới Công an phường Long Trường, thành phố Thủ Đức đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Bản Kết luận định giá tài sản số 323-KV3/KLĐG-HĐĐGTS ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Đức kết luận 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria, biển số 66N1-500.64 màu đen, số máy 605723; số khung 105751 (thời điểm định giá ngày 01/9/2021) trị giá 42.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Satria biển số 66N1-500.64, số khung 105751, số máy 605723 màu đen đã qua sử dụng do anh Phạm Công D1 giao nộp. Qua xác minh xe mô tô trên do anh Nguyễn Hồng Hải Ph đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả lại xe mô tô trên cho anh Phong.

- Dữ liệu điện tử thu giữ: 01 USB màu đỏ đen có chứa đoạn clip từ 17 giờ 45 phút đến 17 giờ 48 phút ngày 01/9/2021 đối tượng Nguyễn Ngọc D dẫn xe máy hiệu Satria biển số 66N1-500.64 ra khỏi công ty.

- 01 chứng minh nhân dân số 221512719, cấp ngày 11/10/2019 mang tên Nguyễn Xuân Hòa, sinh ngày: 02/02/2003. Nguyên quán: Xuân Phước, Đồng Xuân, Phú Yên. Nơi ĐKTT: Phú Xuân B, Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên do Công an tỉnh Phú Yên cấp ngày 11/10/2019; 01 thẻ giữ xe máy số 0845;

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hồng Hải Ph đã nhận lại xe mô tô nên không yêu cầu Công ty QT bồi thường thiệt hại. Công ty QT cũng không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Cáo trạng số 133/CT-VKSTPTĐ ngày 06/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu, có thái độ ăn năn, hối cải, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Ngô Tiến Htrình bày: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, suy nghĩ nông cạn mà phạm tội, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi và trả cho chủ sở hữu, bị cáo cũng đã ra cơ quan Công an đầu thú, Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ QT cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do đó, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức, của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức trong quá trình điều tra truy tố là thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Ngọc D tại phiên tòa phù hợp với nội dung: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú ngày 07/9/2021; Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 02/9/2021; Biên bản bắt bị can để tạm giam của của Công an phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức; Biên bản trích xuất camera; Bản ảnh hiện trường; Kết luận định giá tài sản số 323-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền, nghĩa

vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 17 giờ ngày 01/9/2021 D vào bãi giữ xe của Công ty New – Hanam, địa chỉ: Lô HT 3-1 , đường D2, Khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 66N1-500.64 do anh Nguyễn Hồng Hải Ph là chủ sở hữu, đang gửi xe tại bãi giữ xe của Công ty N do Công ty QT làm dịch vụ bảo vệ trông giữ bãi xe cho Công ty N. Khi D điều khiển xe mô tô trên ra tới cổng của Công ty, do không có thẻ xe nên D đã nói dối với anh Tạ Văn T và anh Trần Văn B là nhân viên bảo vệ của Công ty QT là bị mất thẻ gửi xe. Đồng thời D đưa bản photo giấy đăng ký xe cho anh Tuấn và anh Bích xem và đưa chứng minh nhân dân của người khác (tên Nguyễn Xuân Hòa) cho anh Tạ Văn T và anh Trần Văn B giữ lại. Do anh Tuấn và anh Bích biết D là công nhân của Công ty N và có đưa giấy tờ tùy thân nên anh Bích và anh Tuấn nhầm tưởng đây là xe của D nên đồng ý cho D lấy xe ra khỏi bãi xe của Công ty. Xe mô tô biển số 66N1- 500.64 có giá trị 42.000.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 323-KV3/KLĐG-HĐĐGTS ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Đức. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Lời khai của bị cáo đã thống nhất với tội D1 và Điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội đối với bị cáo. Như vậy, nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đối với bị cáo Nguyễn Ngọc D là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất của vụ án:

Bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và bị pháp luật trừng trị nhưng do tham lam, lười lao động muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân và coi thường pháp luật nên bị cáo đã bất chấp, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Ngọc D là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng xấu đến cuộc sống bình thường của người dân xung quanh nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên cũng xét, bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội khai báo đầy đủ và có thái độ ăn năn hối hận; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan Công an. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Do đó, khi quyết định hình phạt, căn cứ Điều 50 khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để có hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Đối với anh Phạm Công D1 là người nhận cầm xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 66N1-500.64 của D, anh D1 không biết đây là tài sản của D do phạm tội mà có. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh D1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Satria biển số 66N1-500.64, số khung 105751, số máy 6505723 màu đen đã qua sử dụng do anh Nguyễn Hồng Hải Ph đứng tên đăng ký chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả lại xe mô tô trên cho anh Phong (Bút lục 60) là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân số 221512719, cấp ngày 11/10/2019, nơi cấp Công an tỉnh Phú Yên, tên Nguyễn Xuân H, sinh năm 2003, HKTT: huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Anh H có cho D mượn chứng minh nhân dân trên để làm thẻ ngân hàng, theo kết quả xác minh thì hiện nay anh H đang đi đóng quân tại Trung đoàn 95, sư đoàn 2, quân đoàn 5, tỉnh Đắk Lắk nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả lại cho bà Lê Thị Ph là mẹ ruột của anh H là phù hợp (bút lục 179).

- 01 USB màu đỏ đen ghi lại hình ảnh thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc D, đây là tài liệu liên quan đến vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

- 01 Thẻ giữ xe số 0845 của Công ty N là tài liệu liên quan đến vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Công ty QT ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ với Công ty N. Trường hợp. Theo nội dung hợp đồng, Công ty QT có trách nhiệm quản lý tài sản tại bãi giữ xe của Công ty N, nếu để mất tài sản thì Công ty QT phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Tuy nhiên, trong vụ án này, anh Nguyễn Hồng Hải Ph đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 66N1- 500.64 và không yêu cầu bồi thường; bị hại là Công ty QT cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Phạm Công D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền cầm xe 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/01/2022.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Lưu hồ sơ 01 USB màu đỏ đen ghi lại hình ảnh thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc D và 01 Thẻ giữ xe số 0845.

3. Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện quyền kháng cáo bản án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Tăng Thị Nguyệt